

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/KDTM-PT

Ngày: 23-9-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu;

Các Thẩm phán: Ông Lê Quốc Ly và Ông Trần Minh Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tân –Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Ông Nguyễn Hùng Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2020/KDTM - ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2020/QĐ-PT ngày 03/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm T, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Đoàn C - Luật sư của Công ty luật Z - Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên, có mặt.

2. Bị đơn: Công ty X

Địa chỉ: Cụm công nghiệp B, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện: Ông L, sinh năm 19...; Chức vụ: Giám đốc, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Vũ X - Luật sư Văn phòng luật sư H thuộc đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Công ty X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm T trình bày: Ngày 20/12/2018, giữa anh Phạm T với Công ty X ký Hợp đồng số 37SH-2018/HĐMB, nội dung hai bên thỏa thuận:

Bên bán (Ông Phạm T) bán cho bên mua (Công ty X) 3.000 tấn bã mía, đơn giá 630.000đ/tấn, thành tiền 1.890.000 đồng. Quá trình mua bán, hai bên có cùng nhau thỏa thuận và ký 04 phụ lục hợp đồng.

Ngày 02/8/2019, hai bên ký Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ lần thứ nhất: Công ty X xác nhận còn nợ anh Phạm T là 1.438.301.200đồng. Sau đó anh T có nhờ Công ty mía đường H xuất hóa đơn số 0000388 vào ngày 31/7/2019 số tiền 272.713.000đồng cho Công ty X nhưng Công ty X chỉ thanh toán 50.000.000đồng vào ngày 31/7/2019 và chuyển tiền mặt cho anh 19.000.000đồng vào ngày 11/10/2019. Công ty X còn nợ anh số tiền 1.369.301.200 đồng phát sinh từ việc mua bán bã mía cho đến nay chưa trả cho anh. Nay anh đồng ý trừ khoản tiền 222.713.000đồng theo hóa đơn 0000388 ngày 31/7/2019 mà Công ty cổ phần mía đường H đã xuất hóa đơn cho Công Ty X và Công ty X có trách nhiệm trả số tiền 222.713.000 đồng theo hóa đơn 0000388 ngày 31/7/2019 cho Công ty cổ phần mía đường H. Như vậy, Công ty X còn nợ anh số tiền 1.146.000.000đồng và yêu cầu Công Ty X phải trả lãi chậm trả đối với khoản tiền 1.146.000.000đồng theo lãi suất 10%/năm từ ngày 02/12/2019 đến ngày 29/4/2020 thành tiền 47.559.000đồng. Tổng cộng Công ty X còn nợ là 1.193.559.000đồng nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công Ty X trả số tiền trên thành 3 đợt cụ thể: Đợt 1 ngày 20/5/2020 yêu cầu Công Ty X trả 400.000.000đồng; đợt 2 ngày 20/6/2020 yêu cầu Công ty X trả 400.000.000đồng; Đợt 3 ngày 20/7/2020 yêu cầu Công ty X trả đủ số tiền còn lại: 393.559.000đồng. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

Bị đơn: Công ty X trình bày: Công ty X thống nhất số nợ nêu trên. Sau khi đối chiếu công nợ ngày 02/10/2019, Công ty X thanh toán cho ông Phạm T 50 Triệu đồng, yêu cầu ông T phải xuất hóa đơn cho Công ty X thì Công ty X mới tiếp tục thanh toán. Công ty X đồng ý trả nợ với điều kiện ông T phải xuất hóa đơn, nếu không xuất hóa đơn thì phải trích lại 10% để Công ty X nộp thuế. Do ông T không xuất hóa đơn nên Công ty X chưa trả tiền.

Công ty X không đồng ý trả khoản tiền lãi 47.559.000 đồng như yêu cầu của anh T vì lý do khi ký kết hợp đồng mua bán bã mía và biên bản xác nhận công nợ ngày 02/8/2019 và ngày 02/10/2019 các bên không đề cập đến lãi suất chậm trả nên Công ty X đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu tính lãi của anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn yêu cầu Công ty X trả số tiền còn nợ 1.146.588.000 đ, rút yêu cầu lãi chậm trả 10% nhưng yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng $8\% \times 1.146.588.000 \text{ đ} = 91.727.000\text{đồng}$.

Bị đơn thống nhất số tiền còn nợ: 1.146.588.000 đ, đồng ý trả số tiền còn nợ 1.146.588.000 đồng chia làm 5 lần, mỗi lần cách nhau 1 tháng, mỗi tháng trả 200.000.000 đồng, tháng cuối cùng trả hết số nợ còn lại; không đồng ý phạt vi

phạm hợp đồng và đề nghị Nguyên đơn chịu án phí Kinh doanh thương mại vì Nguyên đơn là người vi phạm nghĩa vụ.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2020/KDTM-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 3, Điều 24, Điều 50, Điều 301, Điều 306, Điều 317 và Điều 319 Luật thương mại năm 2005; Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm T.

Buộc Công ty X thanh toán số tiền 1.238.315.000đồng về khoản hợp đồng mua bán bã mía cho nguyên đơn anh Phạm T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/6/2020, bị đơn Công ty X kháng cáo yêu cầu:

1/ Việc mua bán bã mía liên quan đến Công ty H nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty H tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm xem xét.

2/ Không chấp nhận phạt vi phạm 91.727.000đ, vì Công ty X không vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

3/ Buộc ông T phải xuất hóa đơn cho số hàng Công ty X đã nhận. Nếu ông T không xuất hóa đơn thì phải trích lại 10% để Công ty X nộp thuế cho Nhà nước. Số tiền nợ Công ty X sẽ trả làm 6 lần mỗi lần cách nhau 1 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 26/8/2020, Bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, đề nghị giải quyết lại vì thiếu người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn rút yêu cầu khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng, xuất hóa đơn cho bên mua và đồng ý cho bị đơn trả nợ 1.146.588.000 đồng chia làm 4 kỳ theo thời gian cụ thể như sau: Ngày 23/10/2020 trả 300.000.000 đồng; Ngày 23/11/2020 trả 300.000.000 đồng; Ngày 23/12/2020 trả 300.000.000 đồng; Ngày 23/01/2021 trả 246.588.000 đồng.

- Bị đơn rút yêu cầu kháng cáo hủy án sơ thẩm, thỏa thuận với nguyên đơn: Anh T xuất hóa đơn cho số hàng đã nhận; bị đơn trả số tiền còn nợ cho anh T theo thời gian nêu trên.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa Phúc thẩm, cụ thể anh T xuất hóa đơn cho Công ty X và Công ty X trả nợ 1.146.588.000 đ chia làm bốn lần theo thời gian như hai bên đã thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Nguyên đơn và Bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể: Anh Phạm T tiếp tục xuất hóa đơn cho Công ty X đủ số tiền hàng chưa thanh toán. Công ty X đề nghị anh T cho Công ty X trả số tiền 1.146.588.000 đồng làm bốn kỳ: Ngày 23/10/2020 trả 300.000.000 đồng; Ngày 23/11/2020 trả 300.000.000 đồng; Ngày 23/12/2020 trả 300.000.000 đồng; Ngày 23/01/2021 trả 246.588.000 đồng. Anh Phạm T đồng ý phương án trả nợ mà Công ty X đưa ra.

Xét thấy sự thỏa thuận của đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm: Công ty X đề nghị anh T cho Công ty X trả số tiền 1.146.588.000 đồng làm bốn kỳ: Ngày 23/10/2020 trả 300.000.000 đồng; Ngày 23/11/2020 trả 300.000.000 đồng; Ngày 23/12/2020 trả 300.000.000 đồng; Ngày 23/01/2021 trả 246.588.000 đồng.

[2] Về án phí: Do sửa án nên Bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là:

$36.000.000 \text{ đ} + 346.588.000 \text{ đ} \times 3\% = 46.397.000 \text{ đồng}$, được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đ (*Hai triệu đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty X đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006129 ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào Điều 307; Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 02/2020/KDTM-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Áp dụng Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015; Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Anh Phạm T phải tiếp tục xuất hóa đơn đủ số tiền 1.146.588.000 đồng cho Công ty X.

- Công ty X phải trả cho anh Phạm T số tiền 1.146.588.000 đồng làm bốn kỳ:

Kỳ 1: Ngày 23/10/2020 trả 300.000.000 đồng;

Kỳ 2: Ngày 23/11/2020 trả 300.000.000 đồng;

Kỳ 3: Ngày 23/12/2020 trả 300.000.000 đồng;

Kỳ 4: Ngày 23/01/2021 trả 246.588.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi trả chậm quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[2] Về án phí: Bị đơn kháng cáo không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Công ty X phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là **46.397.000 đồng** (*Bốn mươi sáu triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền **2.000.000 đồng** (*Hai triệu đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty X đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006129 ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Hoàn lại cho anh Phạm T 28.490.000 đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm chín chục nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0014684 ngày 27/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Ly

Trần Minh Quang

Nguyễn Minh Thu

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện Tuy An (2);
- Phòng KTNV
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Thu

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Phi Đô

Lê Ngọc Minh

Mai Tấn Hoàng